

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HS-ST
Ngày 03-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 1// Nguyễn Thành Long.

Các Hội thẩm quân nhân: 1// Huỳnh Tấn Sĩ;

1// Nguyễn Như Anh.

- Thư ký phiên tòa: 4/ Đặng Thế Thanh, Thư ký, Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53 tham gia phiên tòa: 2// Tôn Thất Phúc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 5, Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Khắc Đ; sinh ngày 26/6/1991 tại tỉnh Bình Phước; nơi thường trú: Thôn A, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc L (đã chết) và bà Phan Thị N, sinh năm 1956; vợ là Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1995 (đã ly hôn), có 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017); tiền án: Ngày 22/11/2021, bị Tòa án nhân dân (TAND) huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS), hình phạt 01 năm tù, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 20/5/2022, chưa thi hành khoản tiền bồi thường thiệt hại 5.100.000 đồng, án phí hình sự và dân sự sơ thẩm; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/3/2010, bị TAND huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999, hình phạt 07 tháng tù, đã được xóa án tích, không bị xử lý vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2023, bị tạm giam từ ngày 25/11/2023; có mặt.

- Bị hại:

1. Tổng Công ty Cổ phần V. Địa chỉ: đường P, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình T1; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Đ1; chức vụ, đơn vị công tác: Phó Giám đốc KT - Chi nhánh tỉnh Đắk Nông (được Tổng giám đốc ủy quyền); vắng mặt.

2. Tổng Công ty M. Địa chỉ: đường P, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Mạnh C; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Phước H; chức vụ, đơn vị công tác: Giám đốc - Trung tâm F (được Tổng giám đốc ủy quyền).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Xuân T2; chức vụ, đơn vị công tác: Tổ trưởng - Đài Đắc Lắc được Giám đốc - Trung tâm F ủy quyền lại (được sự đồng ý của Tổng giám đốc); vắng mặt.

3. Tập đoàn B. Địa chỉ: đường X, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật tại Đắc Nông: Ông Hoàng Mạnh T3; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ngọc H; chức vụ, đơn vị công tác: Phó Giám đốc phụ trách - Trung tâm R (được Giám đốc Đắc Nông ủy quyền); vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Vũ Văn T4; sinh ngày: 19/5/1979; nơi cư trú: Bản Đ, xã N, huyện T, tỉnh Đắc Nông; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn T5; vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị T6; vắng mặt.
3. Bà Nguyễn Thị P; vắng mặt.
4. Bà Phan Thị N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/9/2023 đến ngày 14/11/2023, Nguyễn Khắc Đ, không có nghề nghiệp, sử dụng xe mô tô BKS: 93L1-002.49 đi tìm Trạm thu phát sóng của các nhà mạng viễn thông không có người quản lý, bảo vệ trên địa bàn huyện R và huyện T, tỉnh Đắc Nông trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng từ 09 giờ đến 10 giờ ngày 06/9/2023, Đ điều khiển xe mô tô đến Trạm thu phát sóng DCN0152 của nhà mạng V thuộc Bon L, xã N, huyện T. Đ sử dụng kim bẻ gãy tai khóa phòng chứa máy phát điện, dùng kim mở ốc cố định 01 bình ắc quy rồi bỏ vào trong bao tải, dùng xe chở bình ắc quy đến tiệm mua bán phế liệu tại thôn I, xã N bán cho ông Trần Văn T5 với giá 400.000 đồng. Giá trị tài sản lần trộm cắp này theo kết luận định giá là 565.096 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 11 giờ ngày 21/10/2023, Đ điều khiển xe mô tô đến Trạm thu phát sóng DNO 00177 của nhà mạng E thuộc thôn O, xã U, huyện R. Đ sử dụng kim bẻ gãy tai khóa phòng thiết bị, đi vào dùng kim mở ốc cố định 02 bình ắc quy rồi chở đi bán. Đ bán 01 bình ắc quy cho một người đàn ông thu mua phế liệu (không rõ tên, địa chỉ) với giá 250.000 đồng, bình ắc quy còn lại đến tiệm mua bán

phế liệu bán cho bà Nguyễn Thị T6 với giá 350.000 đồng. Giá trị tài sản lần trộm cắp này theo kết luận định giá là 3.921.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 23/10/2023, Đ điều khiển xe mô tô đến Trạm thu phát sóng DCN0185-11 của nhà mạng V thuộc thôn Ê, xã Q, huyện T. Đ sử dụng kim bẻ gãy tai khóa cửa Trạm thu phát sóng, đi vào lấy trộm 02 bình ắc quy chở đi cất giấu ở nhà chòi bỏ hoang tại khu vực xã N, huyện T. Khoảng một tuần sau, Đ quay lại lấy 02 bình ắc quy mang đến tiệm mua bán phế liệu P tại tổ DP5, thị trấn K, huyện R bán cho bà Nguyễn Thị P với giá 1.600.000 đồng. Giá trị tài sản lần trộm cắp này theo kết luận định giá là 1.124.524 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng 14 giờ ngày 24/10/2023, Đ điều khiển xe mô tô đến Trạm thu phát sóng DNO 00133 của nhà mạng E thuộc tổ DP6, thị trấn K, huyện R. Đ sử dụng kim bẻ gãy tai khóa cửa trạm, đi vào mở ổ cố định lấy trộm 01 bình ắc quy. Khi đến thị trấn K, huyện R, Đ bán cho một người đàn ông thu mua phế liệu (không rõ tên, địa chỉ) với giá 720.000 đồng. Giá trị tài sản lần trộm cắp này theo kết luận định giá là 10.745.000 đồng.

Lần thứ năm: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/10/2023, Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô đến Trạm thu phát sóng DGDL31 của nhà mạng M thuộc thôn P, xã C, huyện R. Đ vào trạm sử dụng kim bẻ gãy tai khóa cửa trạm, đi vào lấy 03 bình ắc quy. Sau đó, chở đến thôn S, xã K2, huyện R bán cho một người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) với giá 2.200.000 đồng. Giá trị tài sản lần trộm cắp này theo kết luận định giá là 10.920.000 đồng.

Lần thứ sáu: Vào khoảng 16 giờ ngày 06/11/2023, Đ điều khiển xe mô tô đến Trạm thu phát sóng DCN0382 của nhà mạng V thuộc thôn J, xã K2, huyện R. Đ sử dụng kim bẻ gãy tai khóa mở cửa phòng thiết bị rồi lấy trộm 02 bình ắc quy. Sau đó, Đ bán 01 bình ắc quy cho người đàn ông thu mua phế liệu (không rõ tên, địa chỉ) với giá 800.000 đồng. Đ tiếp tục mang bình ắc quy còn lại đến tiệm mua bán phế liệu tại tiểu khu Z, xã G, huyện T bán cho ông Vũ Văn T4 với giá 800.000 đồng. Giá trị tài sản lần trộm cắp này theo kết luận định giá là 7.232.000 đồng.

Lần thứ bảy: Khoảng 11 giờ ngày 14/11/2023, Đ điều khiển xe mô tô đến Trạm thu phát sóng DGDL25 của nhà mạng M thuộc thôn F, xã G2, huyện R. Đ sử dụng kim bẻ gãy tai khóa cửa ra vào của tường bảo vệ, sau đó dùng kim bấm đứt tai khóa cửa trạm, đi vào lấy trộm 01 bình ắc quy chở đến tiệm mua bán phế liệu của bà Nguyễn Thị P để bán nhưng bà P biết là tài sản trộm cắp nên không mua. Sau đó, Đ chở bình ắc quy đi về hướng xã N, huyện T thì gặp một người thu mua ve chai (không rõ tên, địa chỉ) bán với giá 600.000 đồng. Giá trị tài sản lần trộm cắp này theo kết luận định giá là 4.680.000 đồng.

Hậu quả: Nguyễn Khắc Đ 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt 12 bình ắc quy có tổng giá trị theo kết luận định giá là 39.187.620 đồng. Tổng số tiền Đ thu được sau khi bán tài sản trộm cắp là 7.720.000 đồng.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường lập hồi 08 giờ ngày 22/12/2023, xác định: Hiện trường vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 06/9/2023 là Trạm thu phát sóng DCN0152 của Tổng Công ty Cổ phần V tại Bon L, xã N, huyện

T. Tại vị trí được kí hiệu (01) trên sơ đồ hiện trường là vị trí bình ắc quy đặt gần cửa sắt bị trộm được sử dụng để đề máy phát điện.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường lập hồi 10 giờ ngày 18/11/2023, xác định: Hiện trường vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 21/10/2023 là trạm thu phát sóng của Tập đoàn B, ký hiệu DNO 00177 tại thôn O, xã U, huyện R. Đ tháo ốc cố định 02 bình ắc quy được đặt trên kệ sau đó lấy trộm được ký hiệu là (1), (2) trong sơ đồ hiện trường.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường lập hồi 14 giờ ngày 22/12/2023, xác định: Hiện trường vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 23/10/2023 là trạm thu phát sóng DCN0185-11 của Tổng Công ty Cổ phần V tại thôn Ê, xã Q, huyện T. Tại vị trí ký hiệu (01) trên sơ đồ hiện trường là vị trí 02 bình ắc quy đã bị mất trộm.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường lập hồi 08 giờ ngày 17/11/2023, xác định: Hiện trường vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 24/10/2023 là Trạm thu phát sóng của Tập đoàn B, ký hiệu DNO 00133 tại tổ DP6, thị trấn K, huyện R. Tại vị trí phòng thiết bị, ghi nhận kí hiệu (x) cách cửa ra vào 1,5m, cách mép tường bên phải hướng từ ngoài vào 02m là nơi để bình cung cấp điện cho trạm phát sóng mà bị cáo đã lấy trộm.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường lập hồi 11 giờ ngày 17/11/2023, xác định: Hiện trường vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 24/10/2023 là Trạm thu phát sóng của Tổng Công ty M, ký hiệu DGDL31 tại thôn 11, xã C, huyện R. Ngăn thứ 3 của tủ nguồn từ trên xuống là vị trí để 03 bình ắc quy bị Đ trộm cắp tài sản.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường lập hồi 14 giờ ngày 17/11/2023, xác định: Hiện trường vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 06/11/2023 là Trạm thu phát sóng DCN0382 của Tổng Công ty Cổ phần V tại thôn J, xã K2, huyện R. Bên trong Trạm thu phát sóng, bên trái được bố trí một kệ phía dưới được làm bằng khung sắt đặt các bình ắc quy, vị trí hai bình ắc quy bị Đ trộm cắp, kí hiệu là (1), (2).

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 20/11/2023, xác định: Hiện trường vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 14/11/2023 là Trạm thu phát sóng của Tổng Công ty M, kí hiệu DGDL25 tại Thôn F, xã G2, huyện R. Vị trí bị mất trộm là máy phát điện để trong phòng máy phát điện; phía bên trái của máy phát điện, cánh cửa ngăn phía ngoài bị mở ra, 01 bình ắc quy được bỏ lại đặt xuống nền nhà, dây đầu hai cực vẫn còn gắn với bình là vị trí Đ mở cửa máy phát điện lấy trộm cắp 01 bình ắc quy.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/KLHĐĐG ngày 22/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện R, tỉnh Đắk Nông, kết luận: Tất cả các bình ắc quy đều qua sử dụng. 02 bình Accu Posmax PNGB23000 2V-300Ah tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 21/10/2023 có giá trị là: 3.921.000 đồng. 01 bình Accu Lithium Postef Vission 48V 100Ah tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 24/10/2023 có giá trị là: 10.745.000 đồng. 03 bình Accu Vission CT12-150EXV tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 24/10/2023 có giá trị là: 10.920.000 đồng. 01 bình Accu Vission

CT12-150EXV tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 14/11/2023 có giá trị là: 4.680.000 đồng. 02 bình Accu Narada AG 12V-155Ah tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 06/11/2023 có giá trị là: 7.232.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 27/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Đắk Nông, kết luận: Tất cả các bình ắc quy đều qua sử dụng. 01 bình ắc quy nhãn hiệu Narada AG 12V-155Ah tại thời điểm chiếm đoạt ngày 23/10/2023 có giá trị là: 562.262 đồng. 01 bình ắc quy nhãn hiệu Narada AG 12V-155Ah tại thời điểm chiếm đoạt ngày 23/10/2023 có giá trị là: 562.262 đồng. 01 bình ắc quy nhãn hiệu Narada AG 12V-155Ah tại thời điểm chiếm đoạt ngày 06/9/2023 có giá trị là: 565.096 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận của hai Bản kết luận định giá tài sản trên là: 39.187.620 đồng. Trong đó, bị cáo gây thiệt hại cho Tổng công ty Cổ phần V số tiền là 5.305.620 đồng (trừ đi 01 bình ắc quy Công ty đã nhận lại có giá trị 3.616.000 đồng), Tổng Công ty M số tiền là 15.600.000 đồng, Tập đoàn B số tiền là 14.666.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Khắc Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, có nội dung: Từ ngày 06/9/2023 đến ngày 14/11/2023, bị cáo không có nghề nghiệp, sống lang thang. Bị cáo sử dụng xe mô tô đi tìm Trạm thu phát sóng của các bị hại trên địa bàn huyện R và huyện T, tỉnh Đắk Nông không có người quản lý, bảo vệ. Bị cáo 07 lần dùng kìm bẻ gãy cửa các phòng chứa bình ắc quy của các Trạm thu phát sóng chiếm đoạt được 12 bình ắc quy. Sau đó, bị cáo bán cho một số tiệm thu mua phế liệu và một số người không rõ lai lịch trên địa bàn để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau khi xảy ra vụ án, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại 5.000.000 đồng; trong đó, bồi thường cho Tổng Công ty Cổ phần V số tiền là 1.000.000 đồng, Tổng Công ty M số tiền là 2.000.000 đồng, Tập đoàn B số tiền là 2.000.000 đồng.

Lời khai trong hồ sơ vụ án cũng như đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, các ông Lê Văn Đ1, Ngô Xuân T2, Đỗ Ngọc H đều thừa nhận có sự việc mất trộm bình ắc quy tại các Trạm thu phát sóng do đơn vị mình quản lý trên địa bàn huyện R và huyện T, tỉnh Đắk Nông, đều có quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết vụ án và vấn đề bồi thường dân sự theo đúng quy định pháp luật.

Trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vũ Văn T4 có quan điểm giữ nguyên lời khai trong hồ sơ vụ án, không yêu cầu Đ phải bồi hoàn lại số tiền 800.000 đồng đã bỏ ra mua bình ắc quy.

Lời khai trong hồ sơ vụ án của người làm chứng bà Phan Thị N (là mẹ ruột của bị cáo Đ): Tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả về hành vi phạm tội của Đ, không yêu cầu Đ hoàn trả lại số tiền trên.

Lời khai có trong hồ sơ vụ án của những người làm chứng Trần Văn T5, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị P là chủ cơ sở mua bán phế liệu đã mua các bình ắc quy của Đ bán đều khai không biết Đ từ trước và không biết các bình ắc quy mua được từ Đ là tài sản do phạm tội mà có.

Cáo trạng số 01/CT-VKSQSKV53 ngày 19/4/2024 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53 truy tố bị cáo Nguyễn Khắc Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với Nguyễn Khắc Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá nguyên nhân, điều kiện, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS), giảm nhẹ TNHS, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình sự: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc Đ từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự (BLDS) buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại tổng số tiền là 35.571.620 đồng, đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường cho các bị hại số tiền 30.571.620 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu, tiêu hủy: 09 ốc bằng kim loại, mỗi ốc dài 12cm; 01 cờ lê có hai đầu khóa 8, bằng kim loại, dài 13cm; 01 cờ lê có hai đầu khóa 10, bằng kim loại, dài 14cm; 01 cờ lê có hai đầu khóa 13, bằng kim loại, dài 17cm; 01 cờ lê có hai đầu khóa 14, bằng kim loại, dài 18cm; 01 cờ lê có hai đầu khóa 17, bằng kim loại, dài 22cm; 01 cờ lê có hai đầu khóa 19, bằng kim loại, dài 23cm; 01 cờ lê bị cong có hai đầu khóa 14, bằng kim loại, dài 16cm; 01 kìm bằng kim loại dài 14cm; 01 kìm cắt bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu xanh trắng dài 19cm; 01 cây kim loại một đầu dẹp một đầu tròn, dài 18cm, hình chữ T; 01 kìm bấm chết bằng kim loại dài 23cm, rộng 7cm; 01 tua vít bằng kim loại, có cán màu đen, dài 16cm; 01 khóa chữ L, bằng kim loại, dài 16cm, không số; 01 khóa chữ L, khóa 10, bằng kim loại, dài 18cm; 01 khóa chữ L, khóa 12, bằng kim loại, dài 19cm; 01 khóa chữ L, bằng kim loại, dài 16,5cm; 01 bao tải màu trắng, trên bao có ghi chữ “Thức ăn thủy sản”; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, trắng, phía sau có dòng chữ “Honda Song Hùng”; 01 áo khoác màu đen, phía sau lưng có dòng chữ “Nlike” là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Nguyễn Khắc Đ không có tranh luận gì với Kiểm sát viên, chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Khắc Đ trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất ăn năn hối cải, bị cáo xin lỗi các bị hại, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về chăm sóc mẹ và các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan và người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi của Cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 06/9/2023 đến ngày 14/11/2023, do không có nghề nghiệp, bị cáo Đ đã có 07 lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân (dùng thủ đoạn bẻ khóa các phòng chứa bình ắc quy rồi trộm cắp) tại các Trạm thu phát sóng của các bị hại trên địa bàn huyện R và huyện T, tỉnh Đắk Nông chiếm đoạt 12 bình ắc quy có tổng giá trị theo định giá là 39.187.620 đồng.

Trong 07 lần trộm cắp tài sản tại các Trạm thu phát sóng của các bị hại, có 05 lần trộm cắp của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Ngoài ra, có 02 lần trộm cắp khác của bị cáo giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng; tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS thì bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, do đó, 02 lần trộm cắp này bị cáo vẫn phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tất cả 07 lần trộm cắp của bị cáo chưa có lần nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS; theo tinh thần của Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001, bị cáo phải chịu TNHS của cả 07 lần phạm tội với tổng số tiền gây thiệt hại là 39.187.620 đồng. Trong thời gian phạm tội, bị cáo sống lang thang, không có công ăn việc làm và nguồn thu nhập ổn định; bị cáo lấy khoản lợi bất chính thu được từ việc trộm cắp làm nguồn thu nhập. Do đó, các hành vi phạm tội này của bị cáo có tính chất chuyên nghiệp.

Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Khắc Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp định khung tăng nặng “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS. Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Bị cáo biết rõ hành vi trái pháp luật của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng ý thức tuân thủ pháp luật kém, lười lao động; chỉ muốn lấy khoản lợi bất chính từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập nên đã vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xem xét tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị

cáo, HĐXX nhận thấy:

Về tình tiết tăng nặng TNHS đối với bị cáo:

Ngày 22/11/2021, bị cáo bị TAND huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, hình phạt 01 năm tù, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 20/5/2022; đến ngày 06/9/2023 lại tiếp tục phạm tội mới, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 BLHS thì bị cáo thuộc trường hợp chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo đủ điều kiện để áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; tuy nhiên, tất cả 07 lần thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đều lấy khoản lợi bất chính thu được từ việc phạm tội này làm nguồn thu nhập; do đó, đủ cơ sở để áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS đối với bị cáo. HĐXX nhận thấy: Việc Kiểm sát viên đề nghị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo là không phù hợp, là gây bất lợi đối với bị cáo. Do đó, HĐXX không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội 02 lần trở lên” đối với bị cáo Nguyễn Khắc Đ.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 02/3/2010, bị cáo bị TAND huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999, hình phạt 07 tháng tù (đã được xóa án tích).

Căn cứ vào mục đích của hình phạt cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, HĐXX nhận thấy: Mặc dù bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS nhưng bị cáo có nhân thân xấu, bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Trong vụ án này, các ông bà Vũ Văn T4, Trần Văn T5, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị P là chủ cơ sở mua bán phế liệu đã mua các bình ắc quy của bị cáo bán nhưng không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

Thiệt hại của các bị hại trên địa bàn huyện R và huyện T, tỉnh Đắk Nông là do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với các thiệt hại này. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại tổng số tiền là 35.571.620 đồng. Trong đó, bị cáo phải bồi

thường cho Tổng Công ty Cổ phần V số tiền là 5.305.620 đồng, đã bồi thường 1.000.000 đồng, còn phải bồi thường 4.305.620 đồng; bồi thường cho Tổng Công ty M số tiền là 15.600.000 đồng, đã bồi thường 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường 13.600.000 đồng; bồi thường cho Tập đoàn B số tiền là 14.666.000 đồng, đã bồi thường 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường 12.666.000 đồng;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vũ Văn T4 không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền 800.000 đồng đã bỏ ra mua bình ắc quy; người làm chứng bà Phan Thị N (là mẹ ruột của bị cáo Đ) tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả về hành vi phạm tội của bị cáo, không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền trên; HĐXX sẽ ghi nhận các đề nghị này.

[7] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Đối với các vật chứng là: 09 ốc bằng kim loại; 01 cờ lê có hai đầu khóa 8; 01 cờ lê có hai đầu khóa 10; 01 cờ lê có hai đầu khóa 13; 01 cờ lê có hai đầu khóa 14; 01 cờ lê có hai đầu khóa 17; 01 cờ lê có hai đầu khóa 19; 01 cờ lê bị cong có hai đầu khóa 14; 01 kìm dài 14cm; 01 kìm dài 19cm; 01 cây kim loại dài 18cm; 01 kìm bấm chết; 01 tua vít; 01 khóa chữ L dài 16cm; 01 khóa chữ L dài 18cm; 01 khóa chữ L dài 19cm; 01 khóa chữ L dài 16,5cm; 01 bao tải màu trắng là công cụ, phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu, tiêu hủy.

Đối với các vật chứng là: 01 mũ bảo hiểm; 01 áo khoác là vật chứng không có giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu, tiêu hủy.

Việc Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp trả lại cho Tổng Công ty Cổ phần V 01 bình ắc quy; chuyển xe mô tô cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tỉnh Bình Phước; bàn giao biển số xe 93L1-002.49 cho Công an xã X, huyện B, tỉnh Bình Phước; HĐXX nhận thấy đều đúng theo các quy định của pháp luật nên không xem xét lại.

Đối với 01 đoạn video camera an ninh tại nhà bà Nguyễn Thị T6; 02 đoạn camera an ninh ở Trạm thu phát sóng DGDL31 là phương tiện điện tử chứa dữ liệu điện tử, đây là nguồn của chứng cứ nên lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Theo quy định khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền còn phải bồi thường là: $(35.571.620 - 5.000.000) \times 5\% = 1.528.581$ đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Khắc Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 16/11/2023.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 BLDS. Bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại tổng số tiền là 35.571.620 đồng, trong đó: Bồi thường cho Tổng Công ty Cổ phần V số tiền là 5.305.620 (năm triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm hai mươi) đồng, đã bồi thường 1.000.000 (một triệu) đồng, còn phải bồi thường 4.305.620 (bốn triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm hai mươi) đồng. Bồi thường cho Tổng Công ty M số tiền là 15.600.000 (mười lăm triệu, sáu trăm nghìn) đồng, đã bồi thường 2.000.000 (hai triệu) đồng, còn phải bồi thường 13.600.000 (mười ba triệu, sáu trăm nghìn) đồng. Bồi thường cho Tập đoàn B số tiền là 14.666.000 (mười bốn triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng, đã bồi thường 2.000.000 (hai triệu) đồng, còn phải bồi thường 12.666.000 (mười hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng;

Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vũ Văn T4 không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng đã bỏ ra mua bình ắc quy.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu, tiêu hủy: 09 (chín) ốc; 07 (bảy) cò lê; 04 (bốn) kìm; 01 (một) tua vít; 04 (bốn) khóa chữ L; 01 (một) bao tải.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) mũ bảo hiểm; 01 (một) áo khoác.

(Các vật chứng có đặc điểm như miêu tả trong Biên bản làm việc Về nội dung: Kiểm tra số lượng, đặc điểm vật chứng đã thu giữ giữa CQCSĐT Công an huyện R và CQĐTHS Khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Nguyễn Khắc Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.528.581 (một triệu, năm trăm hai tám nghìn, năm trăm tám một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/7/2024) đối với bị cáo và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 5./.

Nơi nhận:

- VKSQSQK5;
- VKSQSKV53;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có ql, nv lq đến vụ án;
- CQĐTHSKV2 các TCSN, BQP;
- Cơ quan THAHS QK5;
- Phòng THA QK5;
- Trại tạm giam QK5;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

1// Nguyễn Thành Long